

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày 15 – 3 – 2023
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thu Thảo.

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước và điểm cầu thành phần tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước vụ án thụ lý số: 344/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1960.

Cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Quốc L, sinh năm 1970.

Cư trú tại: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Tuyết H, sinh năm 1971.

Cư trú tại: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh C ..

Tại điểm cầu thành phần: Bà T, ông L và bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2022 và các lời khai tại Tòa án bà Nguyễn Thị Bé T (nguyên đơn) trình bày:

Vào ngày 20/5/2021 âl, bà có cho vợ chồng ông Trịnh Quốc L và bà Nguyễn Tuyết H hời vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 2%, thời hạn 03 tháng, ông L và bà

H có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông L đứng tên, diện tích 1.291,6 m², đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Gốc, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, hai bên có làm hợp đồng thế chấp, hợp đồng do ông L và bà H tự viết và ký tên, bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đang giữ, không có thể chấp cầm cố cho ai.

Tiếp đến ngày 20/02/2022 âl bà có cho vợ chồng ông Trịnh Quốc L và bà Nguyễn Tuyết H hỏi vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 2%, thời hạn 03 tháng, hai bên có làm biên nhận, biên nhận do ông L và bà H tự viết và ký tên. Từ khi vay tiền đến nay ông L, bà H không trả vốn và đóng lãi.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L và bà H trả lại cho bà số tiền vốn là 600.000.000 đồng, tiền lãi tính theo quy định là 20%/năm tính từ ngày vay đến ngày hòa giải 21/12/2022 là 180.000.000 đồng, tổng số tiền là vốn và lãi 780.000.000 đồng. Đồng thời, tiếp tục yêu cầu tính lãi đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại biên hòa giải ngày 21/12/2022 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Trịnh Quốc L trình bày:

Vào ngày 20/5/2021 âl, ông có hỏi vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 5%, thời hạn 03 tháng, ông có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên, diện tích 1.291,6 m², đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Gốc, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, hai bên có làm hợp đồng thế chấp, hợp đồng do ông tự viết và ký tên, bà H có ký tên. Tuy nhiên, ông viết biên nhận theo ý kiến của bà T nói, thực tế ông chỉ có vay số tiền vốn 200.000.000 đồng, tiền lãi 200.000.000 đồng và bà T buộc ông ghi nợ 400.000.000 đồng nhưng do tin tưởng ông không ghi tiền lãi 200.000.000 đồng mà chỉ ghi nợ bà T số tiền 400.000.000 đồng, bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T đang giữ.

Tiếp đến ngày 20/02/2022 âl ông có hỏi vay của bà T tiếp số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5%, thời hạn 03 tháng, nợ lãi số tiền 100.000.000 đồng đối với số tiền vốn 200.000.000 đồng vay ngày 20/5/2021 âl, bà T buộc ông phải ghi biên nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng, do tin tưởng ông không ghi tiền lãi 100.000.000 đồng, biên nhận do ông tự viết và ký tên, bà H có ký tên. Từ khi vay tiền đến nay ông không trả vốn và đóng lãi.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý trả số tiền vốn là 300.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi theo quy định tính từ ngày 20/02/2022 âl và yêu cầu bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc cho ông.

Tại biên hòa giải ngày 21/12/2022 và các lời khai tại Tòa án, bà Nguyễn Tuyết H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày ông L, bà không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà T, bà chỉ đồng ý trả số tiền vốn là 300.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi theo quy định tính từ ngày 20/02/2022 âl và yêu cầu bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Bé T yêu cầu ông Trịnh Quốc L và bà Nguyễn Tuyết H trả lại cho bà số tiền vốn là 600.000.000 đồng, bà có thay đổi yêu cầu về tính lãi suất, bà yêu cầu theo lãi suất hai bên thỏa thuận 2%/tháng, thời gian tính lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể, số tiền lãi của 400.000.000 đồng, vay 21 tháng số tiền lãi 168.000.000 đồng; số tiền lãi của 200.000.000 đồng, vay 12 tháng số tiền lãi 48.000.000 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi là 816.000.000 đồng (trong đó, vốn 600.000.000 đồng, lãi 216.000.000 đồng), nếu ông L và bà H trả đủ tiền thì bà sẽ trả lại cho ông L và bà H bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông L đứng tên, cấp ngày 05/11/2019, diện tích 1.291,6 m², thửa số 492, tờ bản đồ số 3, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS01158, đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Góc, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ông Trịnh Quốc L và bà Nguyễn Tuyết H không đồng ý với yêu cầu của bà T, chỉ đồng ý trả số tiền vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tính từ ngày 20/02/2022 đến nay và yêu cầu bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T với bị đơn ông Trịnh Quốc L là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trịnh Quốc L có địa chỉ cư trú tại ấp Vĩnh Góc, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị Bé T yêu cầu ông Trịnh Quốc L và bà Nguyễn Tuyết H trả lại cho bà số tiền vốn là 600.000.000 đồng và tiền lãi 216.000.000 đồng, tổng số tiền vốn và lãi là 816.000.000 đồng. Cụ thể, ngày 20/5/2021 âl, bà T cho ông L và bà H vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 2%, có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông L đứng tên; ngày 20/02/2022 âl bà T cho ông L và bà H vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 2%. Khi vay ông L, bà H đều có viết biên nhận và ký tên. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông L và bà H không đồng ý, chỉ đồng ý trả số tiền vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tính từ ngày 20/02/2022 âl và yêu cầu bà T trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy, việc ông L và bà H có vay tiền của bà T là thực tế có xảy ra nhưng chưa thống nhất số tiền vay. Bà T xác định ngày 20/5/2021 âl, ông L và bà H có hỏi vay của bà T số tiền 400.000.000 đồng; ngày 20/02/2022 âl ông L và bà H vay của bà T tiếp số tiền 200.000.000 đồng, cả hai lần vay ông L và bà H tự viết biên nhận và ký tên. Tuy nhiên, ông L và bà H thừa nhận do có vay tiền của bà T nhiều lần, do không có tiền trả lãi nên mới viết biên nhận nhập vốn và lãi nên biên nhận ngày 20/5/2021 âl

trong số nợ 400.000.000 đồng thì tiền vốn là 200.000.000 đồng và tiền lãi 200.000.000 đồng; biên nhận ngày 20/02/2022 ở trong số nợ 200.000.000 đồng thì tiền vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi 100.000.000 đồng của biên nhận ngày 20/5/2021 ở. Lý do, không ghi tiền lãi là do tin tưởng nhau và khi vay tiền chỉ có hai bên, không có ai khác chứng kiến, ông L và bà H có ghi âm lại nhưng điện thoại đã hư hỏng. Đối với lời trình bày này, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông L và bà H cho rằng đối với hai biên nhận vay tiền do ông, bà tự ghi và ký tên thì có tiền vốn và lãi. Tuy nhiên, nội dung biên nhận không thể hiện có tiền lãi mà chỉ thể hiện có vay tiền của bà T 400.000.000 đồng và 200.000.000 đồng. Trong khi bà T cũng không thừa nhận có tiền lãi. Mặt khác, ông L và bà H cũng thừa nhận do tin tưởng nên biên nhận chỉ ghi có hỏi vay của bà T số tiền 400.000.000 đồng và 200.000.000 đồng mà không có ghi tiền lãi, khi hỏi vay tiền chỉ có bà T và vợ chồng ông L và bà H, không có ai khác chứng kiến và thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà T buộc ông L và bà H phải có trách nhiệm trả cho bà T tổng số tiền vốn đã vay là 600.000.000 đồng.

Số tiền vốn 400.000.000 đồng x 21 tháng x 20%/năm = 140.000.000 đồng.

Vì vậy, tổng số tiền lãi buộc ông L và bà H trả cho bà T là 180.000.000 đồng nên có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T buộc ông L và bà H trả lại cho bà T số tiền vốn là 600.000.000 đồng, tiền lãi là 180.000.000 đồng, tổng số tiền là vốn và lãi 780.000.000 đồng. Không chấp nhận đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông L và bà H trả số tiền lãi 36.000.000 đồng. Đồng thời, buộc bà T trả lại cho ông L và bà H bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông L đứng tên, cấp ngày 05/11/2019, diện tích 1.291,6 m², thửa số 492, tờ bản đồ số 3, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS01158, đất tọa lạc tại ấp Vịnh Góc, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau khi ông L, bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Ngoài ra, ông L và bà H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với khoản tiền phải thanh toán nếu chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Ông L và bà H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với tổng số tiền 780.000.000 đồng phải trả cho bà T là 35.200.000 đồng.

Bà T không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận do là người cao tuổi.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T.

[1] Về nội dung:

Buộc ông Trịnh Quốc L và bà Nguyễn Tuyết H phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bé T tổng số tiền 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng).

Không chấp yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé T về việc yêu cầu ông Trịnh Quốc L và bà Nguyễn Tuyết H phải trả số tiền lãi 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé T trả lại cho ông Trịnh Quốc L và bà Nguyễn Tuyết H bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trịnh Quốc L đứng tên, cấp ngày 05/11/2019, diện tích 1.291,6 m², thửa số 492, tờ bản đồ số 3, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS01158, đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Góc, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau khi ông L và bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[2] Về án phí:

Ông Trịnh Quốc L và bà Nguyễn Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 35.200.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hiền